

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-PT
Ngày 21 - 11 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
buộc di dời tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc di dời tài sản trên đất

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2019; Thông báo chuyển ngày xét xử số 27/TB-TDS ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Triệu Quỳnh L, sinh năm 1956. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H: Anh Ngô Văn S, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 16-11-2019; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960. Vắng mặt.

2. Anh Triệu Hồng D, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và anh Triệu Hồng D: Ông Triệu Quỳnh L, sinh năm 1956; cư trú tại: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 19/11/2019. Có mặt.

3. Anh Ngô Văn S, sinh năm 1980. Có mặt.

4. Anh Triệu Văn B, sinh năm 1987. Có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Triệu Quỳnh L có thửa đất đã được Hợp tác xã nông nghiệp T giao cho ông từ năm 1991, thửa đất số 222, tờ số 10 bản đồ địa chính xã V, diện tích là 10.355m², địa phương thường gọi là đồi P. Đến năm 2001, vì điều kiện gia đình neo người nên ông đã chia cho gia đình anh Triệu Văn H ở thôn H, xã V một nửa quả đồi. Số diện tích còn lại của gia đình ông còn 4.012m², số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 869527; lô số 44, tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã V cấp ngày 17/4/2001. Diện tích đất tiếp giáp: Phía bắc giáp tỉnh lộ 242; phía nam tiếp giáp với ruộng nhà anh Triệu Văn Đ, giáp với nhà anh Ngô Văn S1; phía tây giáp với đồi nhà anh Triệu Văn H thôn H; phía đông giáp ruộng bà Ngô Thị H.

Từ năm 1991 đến năm 2014 gia đình ông vẫn canh tác bình thường không xảy ra tranh chấp với ai, hàng năm gia đình ông đã canh tác trồng các loại cây như Bạch đàn, vải thiều, dứa, sắn, cây keo... Ngày 10/11/2014, bà Ngô Thị H nộp đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã V giải quyết yêu cầu ông trả lại đất cho bà quản lý sử dụng diện tích đất mà gia đình bà đã trồng đỗ từ năm 1973. Ngày 22/12/2014 ban hòa giải xã V đã tổ chức hòa giải và kết luận. Bà H không xuất trình được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà đang thế chấp tại Ngân hàng huyện H. Ngày 12/3/2015 ban hòa giải xã V tổ chức hòa giải lần 2 và kết luận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H là đất ruộng tiếp giáp với chân đồi đất của nhà ông L, bà H không nhất trí xin toàn bộ hồ sơ để nộp lên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng giải quyết.

Ngày 23/3/2015 gia đình bà H đã thuê máy múc xúc vào đất đồi nhà ông. Đến ngày 03/9/2018 gia đình bà H đã trồng cây lên diện tích đang tranh chấp với diện tích chiều dài khoảng 22m, chiều rộng khoảng 05m, số cây keo đã trồng là 35 cây.

Sau các sự việc xảy ra ông đã nộp đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã V giải quyết việc gia đình bà Ngô Thị H lấn chiếm đất đai gia đình ông và ngày 11/9/2018 ban hòa giải xã tổ chức hòa giải giữa hai gia đình. Ban hòa giải xã đã có kết luận là buộc gia đình bà H phải di dời số cây đã trồng ra khỏi đất đang tranh chấp nhưng bà H không chấp hành.

Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng xem xét giải quyết buộc gia đình bà Ngô Thị H trả lại diện tích đất đang tranh chấp là 412m² cho gia đình ông được quản lý sử dụng và buộc bà gia đình bà Ngô Thị H di dời số cây Keo đã trồng trên đất đang tranh chấp.

Bị đơn bà Ngô Thị H trình bày:

Gia đình bà có mảnh đất ở cạnh nghề B do mẹ đẻ bà khai phá và canh tác từ năm 1973 cho tới năm 2019 vẫn thường xuyên canh tác, nhưng gia đình nhà ông L đã lấn chiếm xuống đất của bà mà không được sự đồng ý của bà. Bà không biết Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông L từ khi nào, việc cấp giấy bà cũng không được ai thông báo cho gia đình được biết, bà cũng không được nhận, ký giáp ranh giữa hai gia đình. Gia đình bà canh tác, sử dụng diện tích đất tranh chấp có nhiều người được biết và nhìn thấy mẹ bà đã canh tác từ năm 1973 cho tới nay chưa bao giờ bỏ đất. Năm 2014 gia đình bà mới biết bị mất đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Triệu Quỳnh L từ khi nào bà không được biết, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L là do xã tự cấp và cấp cả đất của bà, từ đó hai gia đình xảy ra tranh chấp.

Từ đó bà đã làm đơn yêu cầu thôn, Ủy ban nhân dân xã giải quyết và đã được thôn và xã triệu tập đến để hòa giải nhưng không thành. Tại các buổi hòa giải bà còn bị ông L chửi bà là hạng người độc ác.

Diện tích đất đang tranh chấp hiện nay trong thôn có những người làm chứng cho bà là mảnh đất do mẹ bà khai phá và canh tác từ năm 1973 và sau đó bà canh tác đến năm 2019 chưa bao giờ bỏ đất.

Diện tích đất đang tranh chấp gia đình bà đã được kê khai toàn bộ khu đất cùng một thửa để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bà chỉ được cấp 02 thửa đất ruộng là thửa số 175 và 176, bà không biết lý do tại sao không được cấp diện tích đất còn lại, mà lại cấp cho hộ ông Triệu Quỳnh L.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình bà được tiếp tục được sử dụng diện tích đất đang tranh chấp.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L, bà không được biết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào và bà cũng không yêu cầu, đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Triệu Quỳnh L nay vẫn sống chung một gia đình. Về nội dung liên quan đến diện tích đất tranh chấp bà T đồng ý với các nội dung yêu cầu theo đơn khởi kiện, cũng như lời khai của chồng bà là ông Triệu Quỳnh L.

Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng xem xét giải quyết buộc gia đình bà Ngô Thị H trả lại diện tích đất đang tranh chấp là 412m² cho gia đình bà được quản lý sử dụng và buộc gia đình bà Ngô Thị H di dời số cây Keo đã trồng trên đất đang tranh chấp.

Tại bản tự khai anh Triệu Hồng D trình bày: Anh D là con đẻ ông Triệu Quỳnh L và bà Nguyễn Thị T.

Về nội dung liên quan đến diện tích đất tranh chấp anh Triệu Hồng D đồng ý với các nội dung yêu cầu theo đơn khởi kiện, cũng như lời khai của bố là ông Triệu Quỳnh L.

Anh D yêu cầu gia đình bà Ngô Thị H trả lại cho gia đình anh quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp là 412m² và buộc gia đình bà H di dời toàn bộ số cây trên đất để trả lại mặt bằng cho gia đình anh.

Anh Ngô Văn S trình bày: Anh S là con đẻ của bà Ngô Thị H. Anh S sinh ra lớn lên đã thấy gia đình canh tác trên mảnh đất cạnh nghề B, đất hiện đang tranh chấp với ông Triệu Quỳnh L. Anh S có được cùng mẹ và gia đình canh tác trên mảnh đất đó, nhưng anh S không nắm được về nguồn gốc của mảnh đất như thế nào. Về nguồn gốc của mảnh đất chỉ có mẹ anh mới biết được rõ.

Quá trình canh tác, năm 2015 anh S có được thuê máy ủi vào san, gạt trên diện tích đất nay đang tranh chấp nhưng không thấy gia đình ông L nói gì, đến năm 2018 gia đình anh đã trồng keo trên diện tích đất đang tranh chấp thì gia đình ông Triệu Quỳnh L mới xảy ra tranh chấp.

Anh S không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Quỳnh L. Anh S đồng ý với ý kiến, yêu cầu của bà Ngô Thị H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình anh tiếp tục được quản lý và sử dụng diện tích đất đang tranh chấp.

Anh Triệu Văn B trình bày: Anh B là con đẻ của bà Ngô Thị H. Anh B sinh ra lớn lên đã thấy gia đình canh tác trên mảnh đất hiện đang tranh chấp với ông Triệu Quỳnh L. Anh B có được cùng mẹ và gia đình canh tác trên mảnh đất đó, nhưng không biết được về nguồn gốc của mảnh đất như thế nào. Về nguồn gốc của mảnh đất chỉ có mẹ anh (bà H) mới biết được rõ.

Quá trình canh tác, năm 2015 gia đình anh (anh S) có được thuê máy ủi vào san ủi trên diện tích đất nay đang tranh chấp nhưng không thấy gia đình ông L tranh chấp, nói gì cả, đến năm 2018 gia đình anh đã trồng keo trên diện tích đất đang tranh chấp thì gia đình ông Triệu Quỳnh L mới xảy ra tranh chấp.

Anh B không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Quỳnh L. Anh B đồng ý với ý kiến, yêu cầu của bà Ngô Thị H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình anh tiếp tục được quản lý và sử dụng diện tích đất đang tranh chấp.

Với nội dung nêu trên, tại quyết định của Bản án sơ thẩm đã áp dụng Áp dụng khoản 9, 14 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số:

326/2016/NĐ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Quỳnh L yêu cầu được sử dụng diện tích đất tranh chấp là 412m² thuộc lô 44, diện tích 4.012m², tờ bản đồ địa chính số 10 xã V mà ông đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 869527, cấp ngày 17/4/2001. Diện tích đất đang tranh chấp có các phía tiếp giáp sau:

Phía bắc giáp chân tà ly đường tỉnh lộ 242 dài 05m và thửa đất 176 đất bà Ngô Thị H dài 9,8m; phía nam tiếp giáp với thửa đất số 205 và thửa số 188 dài 07m; phía tây giáp thửa đất số 44 (tức thửa 222) của ông Triệu Quỳnh L dài 9,7m + 13,2m + 11m; phía đông giáp đất ruộng bà Ngô Thị H dài 13m + 8,7m.

(Có sơ họa thửa đất kèm theo)

Giao 35 cây keo trên diện tích đất đang tranh chấp cho ông Triệu Quỳnh L sở hữu, chăm sóc.

Buộc ông Triệu Quỳnh L phải thanh toán giá trị 35 cây keo cho bà Ngô Thị H với tổng số tiền là 280.000đ (hai trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị H phải chịu 2.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Buộc bà Ngô Thị H phải hoàn trả cho ông Triệu Quỳnh L số tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ngô Thị H số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Triệu Quỳnh L số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo B lai thu tiền AA/2015/0000980 ngày 03/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá tài sản; án phí và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, ngày 15 tháng 8 năm 2019 bà Ngô Thị H là bị đơn có kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Yêu cầu được trả lại diện tích đất đang tranh chấp cho gia đình bà tiếp tục sử dụng.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, ngày 15 tháng 10 năm 2019 bà Ngô Thị H tiếp tục có đơn kháng cáo bổ sung cũng với nội dung: Yêu cầu được trả lại diện tích đất đang tranh chấp cho gia đình bà tiếp tục sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Sau khi hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung, chi phí tố tụng, án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Triệu Quỳnh L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Ngô Văn S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn B đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Ông Triệu Quỳnh L và bà Ngô Thị H mỗi bên được quyền quản lý, sở hữu 1/2 diện tích đất tranh chấp (160,2m²) ký hiệu AEB.B1.B2.B3.B4.B5.B6.CD.D1.D2.D3 trong diện tích 4.012m² thửa số 222 tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể ông Triệu Quỳnh L được sử dụng, sở hữu diện tích đất là 80,1m² ký hiệu EB.B1.B2.B3.B4.B5.B6.C tiếp giáp đất đồi ông đang quản lý sở hữu; bà Ngô Thị H được quyền sử dụng diện tích là 80,1m² ký hiệu AED.D1.D2.D3 tiếp giáp đất ruộng bà H đang quản lý, sở hữu thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã V, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện chi tiết theo sơ đồ khu đất tranh chấp xã V giữa nguyên đơn Triệu Quỳnh L với Ngô Thị H hệ tọa độ VN 2000 – tờ bản đồ số 10 do Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn đo vẽ tháng 11/2019; bà Ngô Thị H được quyền sở hữu toàn bộ 35 cây keo trên diện tích đất đang tranh chấp và có trách nhiệm di dời các cây trên phần đất ông Triệu Quỳnh L được quyền sử dụng, chi phí di dời do bà Ngô Thị H tự chịu.

[2] Về chi phí tố tụng: Ông Triệu Quỳnh L tự nguyện chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tại cấp sơ thẩm. Ông Triệu Quỳnh L đã nộp đủ và đã chi phí. Bà Ngô Thị H tự nguyện chịu 8.714.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tại cấp phúc thẩm. Bà Ngô Thị H đã nộp đủ và đã chi phí.

[3] Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Việc sửa Bản án sơ thẩm là do có tình tiết mới, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên người kháng cáo bà Ngô Thị H phải chịu

án phí dân sự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ngô Thị H đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm do bà là người cao tuổi. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà Ngô Thị H sinh năm 1957. Theo Điều 2 Luật Người cao tuổi quy định Người cao tuổi là người từ đủ 60 tuổi trở lên. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Ngô Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Triệu Quỳnh L tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2015/0000980 ngày 03/01/2019, hoàn trả cho bà Ngô Thị H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2016/0000122 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 9, 14 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, khoản 3 Điều 26; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Về quyền sử dụng đất:

1. Ông Triệu Quỳnh L được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 80,1m², diện tích đất trên thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã V, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất có vị trí và các phía tiếp giáp thể hiện trên sơ họa là hình EB.B1.B2.B3.B4.B5.B6.C. (Diện tích đất giáp với đất đòi của ông Triệu Quỳnh L).

2. Bà Ngô Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 80,1m², diện tích đất trên thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã V, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất có vị trí và các phía tiếp giáp thể hiện trên sơ họa là hình AED.D1.D2.D3. (Diện tích đất giáp với đất ruộng của bà Ngô Thị H).

3. Bà Ngô Thị H được sở hữu 35 cây keo trên diện tích đất tranh chấp và phải di dời các cây keo trên phần đất ông Triệu Quỳnh L được sở hữu, quản lý. Chi phí việc di dời do bà Ngô Thị H tự chịu.

(Có sơ đồ thửa đất thể hiện theo thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa do Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn đo vẽ tháng 11/2019 kèm theo Bản án).

Ông Triệu Quỳnh L và bà Ngô Thị H có quyền đi đăng ký kê khai yêu cầu sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

II. Về án phí:

1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

1.1. Hoàn trả ông Triệu Quỳnh L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000980 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Bà Ngô Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại bà Ngô Thị H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Ngô Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000122 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

III. Về chi phí tố tụng:

1. Ông Triệu Quỳnh L phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Số tiền này ông Triệu Quỳnh L đã nộp và đã chi phí hết.

2. Bà Ngô Thị H phải chịu 8.714.000 đồng (tám triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Số tiền này bà Ngô Thị H đã nộp và đã chi phí hết.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện H,t,Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Đức Chiến

Lê Xuân Sơn

Lộc Sơn Thái

